

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SI MA CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11-10-2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hồng;
2. Ông Lý Sín Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Sầm Thị Tươi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2018/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 9 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lùng Thị N, sinh năm 1994.

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai; Nơi ở hiện nay: Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Ly Văn L sinh năm 1989.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/9/2018, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lùng Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh L tự nguyện Đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2011 tại UBND xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được gần 04 năm, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị N đi làm thuê, anh L nghi ngờ chị có quan hệ với người khác dẫn đến việc anh L thường xuyên gây sự, chửi bới, đánh đập, bị gia đình nhà chồng đuổi ra khỏi nhà và mang con trả cho chị, chị đã phải một mình nuôi con khi cháu mới được 17 tháng tuổi mà chồng chị không quan tâm đến con, do mâu thuẫn mà hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến giữa tháng 8/2016 thì vợ chồng

cùng nhau đến xã S, huyện S để làm ăn cho đến tháng 01/2017 chị đi làm công nhân cho Công ty Sam Sung tại huyện Y, tỉnh Bắc Ninh khi đó chị mới đưa cháu về cho anh L nuôi. Nhưng trong thời gian chị đi làm tại Bắc Ninh anh L vẫn nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người khác nên đã đả đập chị làm chị phải đi bệnh viện để điều trị, đã có lần anh L còn cầm dao dọa giết chị. Do vậy mà chị nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị với anh L thật sự không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Ly Văn L.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Chị N và anh L có một con chung là Ly Thị Ngọc A sinh ngày 05/12/2013 cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường hiện nay đang ở cùng anh L. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ly Thị Ngọc A không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Những tài liệu, chứng cứ chị Lùng Thị N đã nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm: Trích lục kết hôn giữa chị và anh L; trích lục khai sinh của cháu Ly Thị Ngọc A; bản sao chứng thực giấy chứng minh nhân dân, đơn xin xác nhận hộ khẩu thường trú, bản sao kê tài khoản của Ngân hàng Vietcombank chi nhánh tỉnh Lào Cai, sổ khám và theo dõi điều trị ngoại trú của Bệnh viện đa khoa huyện Y, tỉnh Bắc Ninh đều của chị Lùng Thị N; 01 đơn xin trình bày về việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lùng Thị N với anh Ly Văn L của chị Lê Thị H; 01 đơn trình bày về việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lùng Thị N với anh Ly Văn L của chị Lùng Thị O; sổ khám và theo dõi điều trị ngoại trú của Bệnh viện đa khoa huyện Y, tỉnh Bắc Ninh kèm đơn thuốc đối với chị Lùng Thị N; bản tự khai của chị Lùng Thị N đề ngày 10/9/2018.

2. Đề nghị của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân anh L trình bày và đề nghị: Anh và chị N tự do tìm hiểu yêu thương nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2011 tại UBND xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với gia đình nhà chồng tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được gần 04 năm, cho đến năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế gia đình gặp khó khăn chị N phải đi làm thuê được một thời gian anh phát hiện chị N có ý định ngoại tình nên đã không cho đi làm nữa nhưng chị N cương quyết không nghe và còn tiếp tục bỏ đi làm thuê tại huyện B, tỉnh Lào Cai anh phải đi tìm khi gặp đã thuyết phục chị N về nhà, nhưng khi về nhà hai vợ chồng lại xảy ra cãi chửi nhau, chị N bỏ về nhà bố mẹ để ở, anh đã rất nhiều lần đi đón chị về nhưng chị không về và nói nếu hai vợ chồng cùng ra ngoài làm ăn thì đi chứ không về nhà chồng. Sau đó vợ chồng anh cùng đi làm ăn tại xã S nhưng do công việc không thuận lợi, đầu năm 2017 vợ anh về Bắc Ninh đi làm cho công ty Sam Sung thời gian đầu anh cũng xuống Bắc Ninh làm nhưng sau đó anh về nhà thu hoạch lúa và đi làm phụ hồ, thợ xây tại xã, đến tháng 4/2018 anh tiếp tục xuống Bắc Ninh để đi làm thì lại nghi ngờ chị N có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, khi biết những chuyện chị N đã làm sau lưng anh đã khuyên bảo nhưng chị N không nghe còn nói anh ghen tuông vớ vẩn, vì

con nên anh đã cho chị N cơ hội quay về đoàn tụ để vợ chồng chung sống cùng nhau nhưng nay chị N lại đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh. Quá trình thụ lý thu thập chứng cứ anh nhận thấy tuy vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng mong chị N suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau làm ăn, nuôi dạy con khôn lớn trưởng thành, mọi lỗi lầm của chị N trước đây khi quay về đoàn tụ anh sẽ bỏ qua hết, trường hợp mà chị N cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của Pháp luật. Tại phiên tòa anh đồng ý ly hôn với chị N.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống vợ chồng anh có một con chung, họ tên cháu là cháu Ly Thị Ngọc A sinh ngày 05/12/2013 cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường hiện nay đang ở cùng anh. Sau khi ly hôn thì anh có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Những tài liệu, chứng cứ do bị đơn xuất trình để chứng minh cho đề nghị của bị đơn là có căn cứ và hợp pháp: Bị đơn cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gồm Bản tự khai đề ngày 10/9/2018, ngày 13/9/2018; đơn xin xác nhận việc làm và thu nhập của anh L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án nhưng các đương sự Lùng Thị N và Ly Văn L vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu, đề nghị của mình. Cụ thể:

Chị Lùng Thị N giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Ly Văn L và được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Ly Thị Ngọc A không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Ly Văn L đồng ý ly hôn chị Lùng Thị N. Về con chung anh L có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu A không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

3.1. Về việc chấp hành luật tố tụng:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi xét xử thấy rằng: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền; về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn gửi hồ sơ và gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát, việc tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, về nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

3.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lùng Thị N và anh Ly Văn L.

- Về nuôi con khi ly hôn:

Giao con chung cháu Ly Thị Ngọc A sinh ngày 05/12/2013 cho chị Lùng Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Chị N không yêu cầu anh Ly Văn L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

3. 3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao cho nguyên đơn, bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải, chuẩn bị xét xử và phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã đến Tòa án trình bày lời khai, đã tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị N và anh L tự nguyện Đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 26/12/2011 tại UBND xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai, vào thời điểm kết hôn anh chị không vi phạm về điều kiện kết hôn, về nơi đăng ký kết hôn do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Việc chị N kiện ly hôn anh L, Tòa án xét thấy:

Quá trình chung sống, cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa anh L và chị N hòa thuận hạnh phúc được gần 4 năm. Do kinh tế gia đình gặp khó khăn chị N phải đi làm thuê, trong thời gian đi làm thuê thì anh L nghi ngờ chị có quan hệ với người khác do vậy mà đã thường xuyên gây sự, chửi bới, đánh đập chị N, chị bị gia đình nhà chồng đuổi ra khỏi nhà, do mâu thuẫn mà từ năm 2015 cho đến giữa tháng 8/2016 anh chị sống ly thân với nhau, chị N bỏ về nhà bố mẹ để còn anh L sống tại nhà mình, tháng 01/2017 chị N đi làm thuê cho Công ty Sam Sung, tại tỉnh Bắc Ninh thì anh L lại tiếp tục nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, thời gian từ tháng 4/2018 anh L xuống Bắc Ninh để làm việc nhưng trong thời gian này mặc dù vợ chồng ở cùng phòng với nhau nhưng chị N chưa hôm nào nấu cơm ăn chung với chồng, đi chơi không nói với chồng, anh L gọi điện cho chị thì chị không nghe máy, có lần chị N đi chơi cả ngày mà không về phòng ngủ, vào ngày 15/8/2018 anh L đã đánh đập, cắt tóc chị N làm chị phải đi bệnh viện điều trị. Quá trình thụ lý thu thập chứng cứ và tại phiên tòa chị N giữ nguyên yêu cầu đề nghị của mình là được ly hôn với anh L còn anh L không đồng ý ly hôn với chị N nhưng tại phiên tòa anh L đồng ý ly hôn với chị N. Do vậy anh L và chị N thuận tình ly hôn với nhau nên cần áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lùng Thị N và anh Ly Văn L.

[3] *Về nuôi con khi ly hôn*: Quá trình chung sống vợ chồng anh Ly Văn L

và chị Lùng Thị N có 01 con chung tên là Ly Thị Ngọc A sinh ngày 05/12/2013 cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường hiện nay đang ở cùng anh L. Sau khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ly Thị Ngọc A cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ly Thị Ngọc A cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét thấy cả anh L và chị N đều là lao động chính có việc làm và thu nhập, cả hai đều thương yêu quan tâm chăm sóc tốt cho con. Anh Ly Văn L có nhà ở và đất đai để canh tác, anh làm nghề trồng trọt, chăn nuôi khi rảnh anh đi làm thợ xây tại xã thu nhập được 5.000.000 đồng/tháng nhưng với việc làm của anh thu nhập không ổn định. Do điều kiện công việc chị Lùng Thị N làm nghề công nhân tại Công ty Sam Sung tại huyện Y, tỉnh Bắc Ninh thu nhập hàng tháng được từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng tùy vào thời gian lao động, chị N có thu nhập ổn định; cả anh L và chị N đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; nhưng xét đến quyền lợi về mọi mặt, sự phát triển về thể chất, tinh thần và về lâu dài của con, hơn nữa cháu A là con gái và còn nhỏ (mới được gần 5 tuổi); thời gian cháu trực tiếp ở cùng anh L khi chị N đi làm công nhân về thăm cháu thì luôn thấy cháu ở bên, bộ phận sinh dục của cháu hơi hăm, hơn nữa cháu A lại là con gái nên việc trực tiếp ở với mẹ sẽ thuận lợi cho việc sinh hoạt của cháu. Vì những căn cứ trên nên xử giao cháu Ly Thị Ngọc A sinh ngày 05/12/2013 cho chị Lùng Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và quy định của pháp luật.

[4] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn:*

Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và tại phiên tòa cả chị Lùng Thị N và anh Ly Văn L đều trình bày nếu được trực tiếp nuôi con thì không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N có việc làm và thu nhập ổn định, chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con nên giao cháu A cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng không buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con vẫn đảm bảo về quyền lợi và sự phát triển của cháu A.

[5] *Về tài sản chung và quyền, nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị Lùng Thị N và anh Ly Văn L không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về nghĩa vụ chịu án phí:* Các đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55; khoản 1 Điều 71; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 8, Điều 26; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lùng Thị N và anh Ly Văn L.

2. Về nuôi con sau khi ly hôn:

Giao cháu Ly Thị Ngọc A sinh ngày 05/12/2013 cho chị Lùng Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Anh Ly Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Ly Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Lùng Thị N phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003723 ngày 10/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai. Chị N được hoàn trả lại số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng);

Anh Ly Văn L phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS ND H. Si Ma Cai (2);
- Chi cục THADS H. Si Ma Cai;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Bình Trọng